TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2024
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn Thống

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Ông Lương Huy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX - ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị H, sinh năm 1984.

Bị đơn: Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1979.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Anh Đ vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Bàn Thị H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lục Văn Đ tự do tìm hiểu và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 05-3-2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ hay uống rượu về hay chửi bới, hai bên tự hoà giải nhiều lần xong không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Văn Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có bốn con chung; cháu lớn Lục Văn T, sinh ngày 01-9-2005, cháu đã trưởng thành; cháu thứ hai: Lục Văn T1, sinh ngày 08-10-2007; cháu thứ ba: Lục Thị M, sinh ngày 21-03-2010; cháu thứ 4: Lục Văn T2, sinh ngày 08-8-2012. Hiện tại cháu lớn đã trưởng thành và đi làm công nhân, chị không yêu cầu Toà án giải quyết; chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba con nhỏ, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, vì các cháu hiện đang ở với chị, anh Đ suốt ngày say sỉn, rượu chè nên không có khả năng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lục Văn Đ nhưng anh Đ không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của con chung: Cháu Lục Văn T1, Lục Văn T2, Lục Thị M đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H để xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn với anh Lục Văn Đ. Về nuôi con chung: Giao các con chung là Lục Văn T1, sinh ngày 08-10-2007;

Lục Thị M, sinh ngày 21-03-2010; Lục Văn T2, sinh ngày 08-8-2012 cho chị Bàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lục Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Bàn Thị H và anh Lục Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị H và anh Lục Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày ngày 05-03-2004, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ hay uống rượu về hay chửi bới, anh chị tự hoà giải nhiều lần xong không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù, anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện anh Đ không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Bàn Thị H và anh Lục Văn Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị H là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn anh Lục Văn Đ.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bàn Thị H và anh Lục Văn Đ có có bốn con chung, cháu lớn là: Lục Văn T, sinh ngày 01-9-2005; cháu thứ hai: Lục Văn T1; sinh ngày 08-10-2007; cháu thứ ba: Lục Thị M, sinh ngày 21-3-2010; Cháu thứ tư: Lục Văn T2, sinh ngày 08-8-2012. Hiện tại cháu lớn đã trưởng thành và đi làm công nhân nên chị H

không yêu cầu Toà án giải quyết; Đối với ba cháu nhỏ, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H là có căn cứ, bởi lẽ từ khi vợ chồng sống ly thân, ba cháu đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác, anh Đ không có mặt, không có ý kiến về nuôi con chung nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, cần giao các cháu Lục Văn T1, Lục Thị M và Lục Văn T2 cho chị Bàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Bàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị H được ly hôn anh Lục Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lục Văn T1, sinh ngày 08-10-2007; Lục Thị M, sinh ngày 21-03-2010; Lục Văn T2, sinh ngày 08-8-2012 cho chị Bàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Bàn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: AA/2023/0001153 ngày 02-11-2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình,

tỉnh Yên Bái (xác nhận Chị H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã Tân Hương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Thanh Nga